| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 265/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22 – 11 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Càn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Hải Âu

Ông Nguyễn Văn Hiển

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 494/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 474/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 307/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Dương Văn S, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị X, sinh năm 1993; cư trú tại: Ấp T2, xã T3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Anh Dương Văn S trình bày:*

Anh và chị Phạm Thị X kết hôn vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1. Đến tháng 8/2019 anh về cùng sinh sống với chị X tại ấp T2, xã T3, huyện Đ thì phát sinh mâu thuẫn liên quan đến việc cầm cố phần đất dẫn đến cự cãi, chị X thường xuyên mắng chửi anh nên anh đi về sinh sống cùng gia đình tại ấp T, xã T1 từ tháng 9/2019 cho đến nay. Trong thời gian này, gia đình của chị X đã đến gia đình của anh chửi và hăm dọa, sự việc được Công an xã T1 lập biên bản; đồng thời khi anh về thăm con thì chị X và gia đình tiếp

tục ngăn cản, hăm dọa. Từ nguyên nhân trên, anh xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với chị X.

Về con chung gồm: Dương Minh K, sinh ngày 23/5/2015 và Dương Tường V, sinh ngày 01/3/2017 do chị X đang nuôi.

Quá trình giải quyết, anh S xin nuôi cả 02 cháu nhưng tại phiên tòa, anh S thay đổi một phần đối với yêu cầu này. Anh xin nuôi Minh K và giao Tường V cho chị X nuôi, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Trong khả năng của mình, anh S sẽ hỗ trợ việc chị X nuôi dưỡng Tường V.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết và về các vấn đề khác: Không có.

** Lời trình bày của chị Phạm Thị X tại phiên hòa giải ngày 29/10/2019 thể hiện:*

Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như anh S trình bày là đúng. Nguyên nhân chị chửi, mắng và có nặng lời, xúc phạm đối với anh S xuất phát từ việc cầm cố phần đất; sau khi cầm cố đất thì anh S không quan tâm, không quản lý, sử dụng và đã bỏ về gia đình của anh S sinh sống. Trong thời gian này, gia đình chị có đến chửi, hăm dọa anh S và khi anh S về thăm con thì chị và gia đình có ngăn cản. Tuy nhiên, chị thấy rằng, hôn nhân của anh, chị chưa đến mức độ trầm trọng nên mong muốn hàn gắn chung sống trở lại để nuôi con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh S.

Về con chung: Có 02 con như anh S trình bày. Trường hợp ly hôn, chị xin nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh S cấp dưỡng theo pháp luật.

Về tài sản và các vấn đề khác thống nhất như anh S trình bày.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Phạm Thị X đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị X là đúng quy định pháp luật.

[2] Anh Dương Văn S và chị Phạm Thị X kết hôn vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Đ. Sau khi kết hôn, anh, chị về sinh sống tại ấp T2, xã T3, huyện Đ, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn liên quan đến việc cầm cố phần đất dẫn đến thường xuyên cự cãi, chị X có thái độ xúc phạm nên anh S đi về sinh sống tại ấp T, xã T1.

Xét thấy: Trong cuộc sống vợ chồng không thể tránh được những mâu thuẫn; tuy nhiên, khi xảy ra mâu thuẫn, đáng lẽ ra chị X phải cùng anh S tìm giải pháp khắc phục nhưng không làm được điều đó, chị X cùng gia đình có những hành vi, lời nói xúc phạm anh S và ngăn cản việc anh S thực hiện quyền thăm nom con chung. Các vấn đề này đã làm cho tình trạng hôn nhân của anh, chị ngày càng trở lên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên

chấp nhận yêu cầu của anh S, cho anh S ly hôn với chị X là phù hợp và đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung, gồm: Dương Minh K, sinh ngày 23/5/2015 và Dương Tường V, sinh ngày 01/3/2017 do chị X đang nuôi.

Quá trình giải quyết các đương sự đều có nguyện vọng nuôi cả hai con; tại phiên tòa, anh S thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, anh xin nuôi Minh K và giao Tường V cho chị X tiếp tục nuôi.

Xét thấy, việc anh S thay đổi một phần về yêu cầu này là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận đối với yêu cầu này của anh S là phù hợp.

Theo quy định của pháp luật, thì "Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng còn chưa thành niên…"; "Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con…", "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con…".

Xét về điều kiện vật chất, qua trình bày và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy rằng: Hiện nay các đương sự còn trẻ, cuộc sống phụ thuộc vào kinh tế của gia đình nên điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng của các đương sự là như nhau.

Do đó, để các đương sự cùng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với con chưa thành niên trong việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp điều kiện thực tế; do cháu Tường V là nữ, chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh S, giao Minh K cho anh S và giao Tường Vy cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do mỗi đương sự trực tiếp nuôi dưỡng một cháu nên không buộc các đương sự thực hiện đối với nghĩa vụ này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh S phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn S. Cho anh S được ly hôn với chị Phạm Thị X.

2. Về con chung:

Giao Dương Minh K, sinh ngày 23/5/2015 cho anh S và Dương Tường V, sinh ngày 01/3/2017 cho chị X nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Chị X đang trực tiếp nuôi Minh K và Tường V nên có nghĩa vụ giao Minh K lại cho anh S nuôi dưỡng.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh S phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009942 ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Càn**

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.